

Số: 27/QĐ-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 và quyết toán ngân sách năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Công văn số 1302/STC-QLNS ngày 16/01/2026 của Sở Tài chính về thực hiện công khai ngân sách năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 34/TB-KCNC ngày 15/4/2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 toàn ngành đơn vị: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao – Mã chương: 599;

Căn cứ Thông báo số 3719/TB-STNMT-KHTC ngày 29/4/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 đơn vị được xét duyệt: Trung tâm Công nghệ sinh học – Mã chương: 412 – Loại: 100 – Khoản: 103;


Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-KCNC ngày 30/12/2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 và quyết toán ngân sách năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Trưởng ban (để biết);
- Lưu: VT, P.KH-TC.Tr. 

Đính kèm: Biểu số 1,2,3,4,5,7,8.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Kỳ Phùng



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 27 /QĐ-KCNC ngày 28 / 01 / 2026 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó					
				Văn phòng Ban Quản lý	Trung tâm Nghiên cứu triển khai	Trung tâm Công nghệ sinh học	Trung tâm Đào tạo	Vườn ươm Doanh nghiệp	Ban Quản lý Các dự án Đầu tư - Xây dựng
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
I	Số thu phí, lệ phí	465	465	465					
1	Lệ phí	5	5	5					
1.1	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người NN làm việc tại Việt Nam	-							
1.2	Lệ phí cấp phép xây dựng	5	5	5					
1.3	Lệ phí đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức KTNN tại Việt Nam								
2	Phí	460	460	460					
2.1	Phí thẩm định dự án đầu tư	400	400	400					
2.2	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	60	60	60					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại								
1	Chi sự nghiệp.....								
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								



Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó					
				Văn phòng Ban Quản lý	Trung tâm Nghiên cứu triển khai	Trung tâm Công nghệ sinh học	Trung tâm Đào tạo	Vườn ươm Doanh nghiệp	Ban Quản lý Các dự án Đầu tư - Xây dựng
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
2	Chi quản lý hành chính								
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	465	465	465					
1	Lệ phí	5	5	5					
1.1	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người NN làm việc tại Việt Nam	-	-	-					
1.2	Lệ phí cấp phép xây dựng	5	5	5					
1.3	Lệ phí đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức KTNN tại Việt Nam	-	-	-					
2	Phí	460	460	460					
2.1	Phí thẩm định dự án đầu tư	400	400	400					
2.2	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	60	60	60					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	286.734	286.734	55.192	26.333	83.103	13.278	10.946	97.882
I	Nguồn ngân sách trong nước	286.734	286.734	55.192	26.333	83.103	13.278	10.946	97.882
1	Chi quản lý hành chính	34.664	34.664	34.664					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	17.814	17.814	17.814					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.850	16.850	16.850					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	127.972	127.972	18.536	26.333	83.103			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-					

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó					
				Văn phòng Ban Quản lý	Trung tâm Nghiên cứu triển khai	Trung tâm Công nghệ sinh học	Trung tâm Đào tạo	Vườn ươm Doanh nghiệp	Ban Quản lý Các dự án Đầu tư - Xây dựng
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-							
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-							
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-							
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	127.972	127.972	18.536	26.333	83.103			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13.278	13.278				13.278		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.278	13.278				13.278		
3.3	Kinh phí chưa phân bổ		-						
6	Chi hoạt động kinh tế	110.798	110.798	1.970				10.946	97.882
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	110.798	110.798	1.970				10.946	97.882
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	22	22	22					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22	22	22					

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TPHCM



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 27 /QĐ-KCNC ngày 28 / 01 / 2026 của Ban Quản lý
Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	465
1	Lệ phí	5
	Lệ phí cấp phép xây dựng	5
2	Phí	460
	Phí thẩm định dự án đầu tư	400
	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	60
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	465
1	Lệ phí	5
	Lệ phí cấp phép xây dựng	5
2	Phí	460
	Phí thẩm định dự án đầu tư	400
	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	60
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	286.734
I	Nguồn ngân sách trong nước	286.734
1	Chi quản lý hành chính	34.664
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	17.814
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.850
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	127.972
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	127.972
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13.278
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.278
6	Chi hoạt động kinh tế	110.798
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	110.798
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	22
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TPHCM



Đơn vị: **BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Chương: 599

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH (6 THÁNG/CẢ NĂM)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	465	232	50%	104%
1	Lệ phí	5	2	40%	100%
	<i>Lệ phí cấp phép xây dựng</i>	5	2	40%	100%
2	Phí	460	230	50%	104%
	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư</i>	400	200	50%	98%
	<i>Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường</i>	60	30	50%	176%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	465	202	50%	104%
1	Lệ phí	5	2	40%	100%
	<i>Lệ phí cấp phép xây dựng</i>	5	2	40%	100%
2	Phí	460	200	43%	104%
	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư</i>	400	200	50%	98%
	<i>Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường</i>	60	30	50%	176%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	286.734	99.700	35%	97%
I	Nguồn ngân sách trong nước	286.734	99.700	35%	97%
1	Chi quản lý hành chính	34.664	13.962	40%	136%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	17.814	8.907	50%	118%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.850	5.055	30%	185%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	127.972	47.649	37%	59%
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	127.972	47.649	37 %	59%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13.278	5.311	40%	144%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.278	5.311	40%	144%
6	Chi hoạt động kinh tế	110.798	32.778	30%	439%
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	110.798	32.778	30%	439%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	22	-	-	-
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22	-	-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Nguyễn Kỳ Phùng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Văn phòng Ban Quản lý KCNC		Trung tâm Nghiên cứu triển khai KCNC		Trung tâm Công nghệ sinh học TPHCM		Trung tâm Đào tạo		Vườn ươm Doanh nghiệp CNC	
					Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.333,06	15.333,06	0,00	15.333,06	15.333,06								
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	14.196,36	14.196,36	0,00	14.196,36	14.196,36								
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	78.360,21	78.360,21	0,00			15.284,19	15.284,19	63.076,02	63.076,02				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	29.151,77	29.151,77	0,00			7.551,53	7.551,53	21.600,23	21.600,23				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	49.208,45	49.208,45	0,00			7.732,66	7.732,66	41.475,79	41.475,79				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.777,13	7.777,13	0,00							7.777,13	7.777,13		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.078,84	4.078,84	0,00							4.078,84	4.078,84		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.698,29	3.698,29	0,00							3.698,29	3.698,29		
6	Chi hoạt động kinh tế	9.726,16	9.726,16	0,00	1.102,86	1.102,86							8.623,30	8.623,30
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.032,14	3.032,14										3.032,14	3.032,14
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.694,01	6.694,01	0,00	1.102,86	1.102,86							5.591,16	5.591,16
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	33,87	33,87	0,00	33,87	33,87								
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	33,87	33,87	0,00	33,87	33,87								

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TPHCM



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ ĐƯỢC GIAO
 VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số **27** /QĐ-KCNC ngày **28** / 01 / 2026 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó					
				Văn phòng Ban Quản lý	Trung tâm Nghiên cứu Triển khai	Trung tâm Công nghệ sinh học	Trung tâm Đào tạo	Vườn ươm Doanh nghiệp	Ban Quản lý Các dự án Đầu tư - Xây dựng
I	Nguồn ngân sách trong nước	286.734	286.734	55.192	26.333	83.103	13.278	10.946	97.882
1	Chi quản lý hành chính	34.664	34.664	34.664					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	17.814	17.814	17.814					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.850	16.850	16.850					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	127.972	127.972	18.536	26.333	83.103			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	127.972	127.972	18.536	26.333	83.103			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13.278	13.278				13.278		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.278	13.278				13.278		
6	Chi hoạt động kinh tế	110.798	110.798	1.970				10.946	97.882
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	110.798	110.798	1.970				10.946	97.882
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	22	22	22					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22	22	22					

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TPHCM

Đơn vị: **BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Chương: 599

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH (6 THÁNG/CẢ NĂM)

(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ-KCNC ngày 28 / 01 / 2026 của Ban Quản lý
Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng/cả năm 2026 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Nguồn ngân sách trong nước	286.734	99.700	35%	97%
1	Chi quản lý hành chính	34.664	13.962	40%	136%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	17.814	8.907	50%	118%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.850	5.055	30%	185%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	127.972	47.649		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	127.972	47.649	37 %	116%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13.278	5.311		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.278	5.311	40%	144%
6	Chi hoạt động kinh tế	110.798	32.778		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	110.798	32.778	70%	4831%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	22			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22	-		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Kỳ Phùng

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Chương: 599



Biểu số 8 - Ban hành kèm theo
Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018
của Bộ Tài chính

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 27 /QĐ-KCNC ngày 28 / 01 / 2026 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Văn phòng Ban Quản lý KCNC		Trung tâm NC Triển khai		Trung tâm Công nghệ sinh học		Trung tâm Đào tạo		Vườn ươm Doanh nghiệp	
					Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5=4-3										
I	Nguồn ngân sách trong nước	125.426,79	125.426,79	0	30.666,14	30.666,14	15.284,19	15.284,19	63.076,02	63.076,02	7.777,13	7.777,13	8.623,30	8.623,30
1	Chi quản lý hành chính	29.529,42	29.529,42	0	29.529,42	29.529,42								
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.333,06	15.333,06		15.333,06	15.333,06								
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	14.196,36	14.196,36		14.196,36	14.196,36								
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	78.360,21	78.360,21	0			15.284,19	15.284,19	63.076,02	63.076,02				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	29.151,77	29.151,77				7.551,53	7.551,53	21.600,23	21.600,23				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	49.208,45	49.208,45				7.732,66	7.732,66	41.475,79	41.475,79				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.777,13	7.777,13	0							7.777,13	7.777,13		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.078,84	4.078,84								4.078,84	4.078,84		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.698,29	3.698,29								3.698,29	3.698,29		
6	Chi hoạt động kinh tế	9.726,16	9.726,16	0	1.102,86	1.102,86							8.623,30	8.623,30
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.032,14	3.032,14										3.032,14	3.032,14
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.694,01	6.694,01		1.102,86	1.102,86							5.591,16	5.591,16
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	33,87	33,87	0	33,87	33,87								
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	33,87	33,87		33,87	33,87								

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TPHCM